



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG



**CATALOGUE
SCL**

SCL

**TIÊN PHONG TRONG LĨNH VỰC
XỬ LÝ TRO, XỈ VÀ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP**
của các nhà máy nhiệt điện, phân bón hóa chất, nghiên cứu,
ứng dụng sản xuất vật liệu xây dựng xanh thân thiện với môi trường.

Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ đi đầu trong xây dựng và phát triển kinh tế tuần hoàn,
góp phần giảm phát thải khí nhà kính,
VÌ MỤC TIÊU QUỐC GIA NETZERO 2050.



MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| ♦ Thư ngỏ _____ | 04 |
| ♦ Thông tin công ty _____ | 05 |
| ♦ Ban lãnh đạo _____ | 06 |
| ♦ Năng lực nhân sự _____ | 07 |
| ♦ Lịch sử hình thành phát triển _____ | 08 |
| ♦ Sản phẩm của SCL _____ | 09 |
| ♦ Dòng sản phẩm chính _____ | 10 |
| Tro bay SCL-FLY ASH _____ | 11 |
| Gạch bê tông khí chưng áp AAC SCL - BLOCK _____ | 15 |
| Tấm Panel bê tông khí chưng áp SCL - ALC _____ | 21 |
| Vữa khô trộn sẵn SCL - Mortar _____ | 24 |
| Vữa liên kết tấm SCL - EKOFLEX _____ | 26 |
| Keo dán gạch đá _____ | 30 |
| Keo chít mạch _____ | 34 |
| Bột bả SCL - Skimcoat _____ | 38 |
| ♦ Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép _____ | 40 |
| ♦ Tổ hợp nhà máy tại Bình Thuận _____ | 41 |
| ♦ Chứng chỉ - Chứng nhận _____ | 43 |
| ♦ Đối tác tiêu biểu _____ | 44 |
| ♦ Lời cảm ơn _____ | 45 |



THƯ NGỎ

Kính gửi Quý khách hàng và Đối tác!

Công Ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường gửi tới Quý khách hàng và các đối tác lời chào trân trọng.

Công Ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường với đội ngũ cán bộ tiến sỹ, thạc sỹ, kỹ sư, công nhân lành nghề luôn nỗ lực tận tâm cùng với trang thiết bị máy móc hiện đại sản xuất ra nhiều sản phẩm hàng hóa trong lĩnh vực Vật liệu xây dựng bền vững, Vật liệu Xanh thân thiện với môi trường như vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá, tro bay, thạch cao nhân tạo, gạch nhẹ chưng áp, gạch cốt liệu, bột nhẹ cenosphere... sản phẩm luôn đảm bảo chất lượng ổn định đạt các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Chúng tôi cam kết sẽ đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đối tác đối với sản phẩm hàng hóa của chúng tôi về chất lượng, số lượng, tiến độ cung cấp và giá cả hợp lý.

Bằng uy tín và nỗ lực, chúng tôi tin tưởng và mong muốn sẽ trở thành đối tác tin cậy của Quý khách hàng trong và ngoài nước.

Xin chân thành cảm ơn và chào mừng Quý khách hàng cùng hợp tác và phát triển với Công Ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường!



THÔNG TIN CÔNG TY

| | |
|-----------------|---|
| Tên công ty: | CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG |
| Tên tiếng anh: | Song Da Cao Cuong Joint Stock Company |
| Địa chỉ: | Km 28 + 100m, Quốc lộ 18, P. Phả Lại, TP. Chí Linh, Tỉnh Hải Dương |
| Vốn điều lệ: | 216.608.950.000 VNĐ |
| Mã chứng khoán: | SCL |
| Mã số thuế: | 0800376530 |

NHÀ MÁY TRỰC THUỘC

1. Nhà máy sản xuất Tro bay - SCL Fly Ash
2. Nhà máy sản xuất Bê tông khí chưng áp - Gạch SCL Block và Panel SCL ALC
3. Nhà máy sản xuất vữa khô trộn sẵn SCL Motar
4. Nhà máy sản xuất Keo dán gạch đá, Keo chít mạch, Bột bả SCL -Skimcoat
5. Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép
6. Tổ hợp nhà máy tại Bình Thuận



BAN LÃNH ĐẠO

1. Hội đồng Quản trị



ÔNG KIỀU VĂN MÁT
Chủ tịch HĐQT

- Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Cao cấp lý luận chính trị
- Cử nhân luật
- Cử nhân kinh tế;

ÔNG NGUYỄN HỒNG QUYÊN
Ủy viên HĐQT

ÔNG KIỀU QUANG VỌNG
Ủy viên HĐQT

ÔNG NGUYỄN ÁNH HỒNG
Ủy viên HĐQT

ÔNG NGUYỄN ANH DŨNG
Ủy viên HĐQT

2. Ban kiểm soát



ÔNG ĐÀO XUÂN QUỲNH
Trưởng ban kiểm soát

BÀ NGUYỄN THỊ THU HOÀI
Thành viên ban kiểm soát

BÀ BÙI THỊ VẼ
Thành viên ban kiểm soát

3. Ban điều hành Công ty



ÔNG VŨ VĂN CHIẾN
Tổng giám đốc

- Kỹ sư điện tự động hóa



ÔNG PHẠM VĂN THƯ
Phó Tổng giám đốc

- Kỹ sư xây dựng
- Cử nhân quản trị kinh doanh



ÔNG TRẦN VĂN HOAN
Kế toán trưởng

- Cử nhân kế toán

NĂNG LỰC NHÂN SỰ

Nguồn nhân lực là niềm tự hào và là chìa khóa cho sự phát triển và thành công của SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG trong chặng đường 17 năm qua. Với đội ngũ cán bộ tiến sỹ, thạc sỹ, kỹ sư, công nhân lành nghề luôn nỗ lực tận tâm, là sự cộng hưởng những kinh nghiệm của những nhà quản lý lâu năm, sức trẻ và nhiệt huyết của thế hệ mới sẵn sàng cống hiến vì một cộng đồng phát triển bền vững và đầy tự hào.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

- ▶ **2007** Thành lập công ty, xây dựng nhà máy tuyển tro bay đầu tiên tại Việt Nam.
- ▶ **2008** Nhận giải thưởng sáng tạo WIPO 2008 và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cấp bằng Lao động sáng tạo.
- ▶ **2009** Cục bản quyền tác giả cấp chứng nhận: Dây chuyền chế biến tro bay và Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.
- ▶ **2010** Xây dựng nhà máy gạch nhẹ AAC và Nhà máy sản xuất vữa khô trộn sẵn.
- ▶ **2013** Được công nhận là Đạt tiêu chí VÌ MÔI TRƯỜNG XANH QUỐC GIA.
- ▶ **2014** Được cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ.
- ▶ **2017** Đạt thành tích xuất sắc trong phát triển vật liệu không nung đến năm 2020.
- ▶ **2020** Hoàn thành đề tài khoa học công nghệ cấp quốc gia.
- ▶ **2022** Xây dựng Tổ hợp nhà máy Vĩnh Tân.
- ▶ **2023** Top 10 Doanh nghiệp Xanh và phát triển Bền vững.
- ▶ **2024** Gold Member Hội đồng công trình Xanh Việt Nam VGBC.



SẢN PHẨM CỦA SCL



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG



DÒNG SẢN PHẨM CHÍNH



Tro bay
SCL - FLY ASH



Gạch nhẹ chưng áp
SCL - BLOCK



Tấm tường bê tông khí
chưng áp cốt thép
SCL - ALC



Vữa khô trộn sẵn
SCL - MORTAR



Keo dán gạch,
đá SCL



Keo chít mạch
SCL



Bột bả SCL -
Skimcoat



TRO BAY SCL - FLY ASH

CÔNG SUẤT 1.000.000 tấn/năm

TCVN 10302:2014; ASTM C618

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, hướng dẫn vận hành, chạy thử, đào tạo và chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất tro bay từ tro xỉ phế thải của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại bằng công nghệ tuyển ướt và sấy khô đồng bộ, hiện đại, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và bảo vệ môi trường. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn của Mỹ: ASTM C618 và các tiêu chuẩn quốc gia như TCVN 10302:2014; TCVN 8825:2011; TCVN 6882:2016





Công suất Nhà máy đạt 1.000.000 tấn/năm tro bay khô. Sản phẩm được ứng dụng rộng rãi trong ngành xây dựng, giao thông, thủy lợi, phụ gia sản xuất xi măng, phụ gia sản xuất vật liệu không nung...

Công ty đã và đang cung cấp sản phẩm tro bay làm phụ gia bê tông đầm lăn (RCC) cho các công trình Thủy điện lớn như: Thủy điện Sơn La, Thủy điện Bản Chát, Thủy điện Namtheun 1 - Lào, Thủy điện Trung Sơn, Thủy điện Lai Châu, Thủy điện Xekaman 3 - Lào, Thủy điện Nam Sam 3 - Lào...

QUY TRÌNH SẢN XUẤT TRO BAY SCL - FLY ASH



Nhà máy tro bay



Hệ thống tuyển tro bay



Máy lọc hút chân không



Hệ thống sấy khô



Đóng bao jumbo



Kho thành phẩm tro bay đóng bao Jumbo



Khu vực xuất tro bay khô rời



Vận chuyển tro bay bằng xe xi téc



Vận chuyển và xuất khẩu tro bay bằng tàu biển

ĐỊNH MỨC TRO BAY CẤP PHỐI BÊ TÔNG RCC, XI MĂNG BÊ TÔNG TRẠM TRỘN

▶ CẤP PHỐI BÊ TÔNG ĐẦM LẤN TẠI CÁC CÔNG TRÌNH

| Tên công trình | Xi măng (kg) | Phụ gia khoáng | | Cát | Đá dăm (kg) | Nước | Phụ gia (lít) |
|---|--------------|----------------|---------|-----|-------------|------|---------------|
| | | Tro bay | Puzolan | | | | |
| Thủy điện Sơn La | 60 | 170 | | 830 | 1420 | 145 | 1,55 |
| Thủy điện Bản Chát | 70 | 160 | | 845 | 1457 | 140 | 1,7 |
| Thủy điện Sông Bung 4 | 80 | | 120 | 738 | 1382 | 140 | 2,2 |
| | 60 | 140 | | 775 | 1359 | 135 | 1,3 |
| Thủy điện NamTheun 1 Hydropower, Laos PDR | 70 | 130 | | 840 | 1350 | 170 | |
| Thủy điện Trung Sơn | 90 | | | 804 | 1301 | 145 | 2,0 |
| | 60 | 140 | | 799 | 1304 | 104 | 1,4 |
| Thủy điện Lai Châu | 60 | 170 | | 830 | 1420 | 145 | 1,55 |
| Thủy điện Xekaman | 70 | 130 | | 850 | 1390 | 174 | 1,6 |

▶ CẤP PHỐI TRO BAY VÀO XI MĂNG

| Tên công trình | Clanke (%) | Thạch cao (%) | Phụ gia | | |
|---------------------------|------------|---------------|------------|---------------|------------|
| | | | Đá đen (%) | Xi nhiệt điện | Tro bay ẩm |
| Cấp phối sản xuất xi măng | 55 | 3 | 21 | 14 (kg) | 7 (%) |

▶ CẤP PHỐI TRO BAY VÀO XI MĂNG

| Tên sản phẩm | Tiêu chuẩn kỹ thuật |
|--------------|---|
| Tro bay ẩm | <p>Độ ẩm (W) ≤ 16%. Mất khi nung (MKN) ≤ 6%</p> <p>$SiO_2 + F_2O_3 + Al_2O_3 \geq 80\%$; $SO_3 \leq 5\%$</p> <p>Chỉ số hoạt tính: 7 ngày và 28 ngày ≥ 75%</p> <p>TCVN 10302:2014 ; 6882:2016</p> |
| Tro bay khô | <p>Độ ẩm (W) ≤ 1%. Mất khi nung (MKN) ≤ 6%</p> <p>$SiO_2 + F_2O_3 + Al_2O_3 \geq 80\%$; $SO_3 \leq 5\%$</p> <p>Chỉ số hoạt tính: 7 ngày và 28 ngày ≥ 75%</p> <p>TCVN 10302:2014; 6882:2016; 8825:2011; ASTM C618</p> |

CÁC DỰ ÁN TRỌNG BAY CỦA SCL



Công trình Thủy điện Bản Chất



Công trình Thủy điện Sơn La



Công trình cầu Nhật Tân



Công trình Thủy điện Lai Châu



Công trình Thủy điện Xekaman - Lào



Công trình Thủy điện Nam Sam 3



Công trình Thủy điện Năm Ngừm 4



Công trình Thủy điện Xepian-Xenamnoy

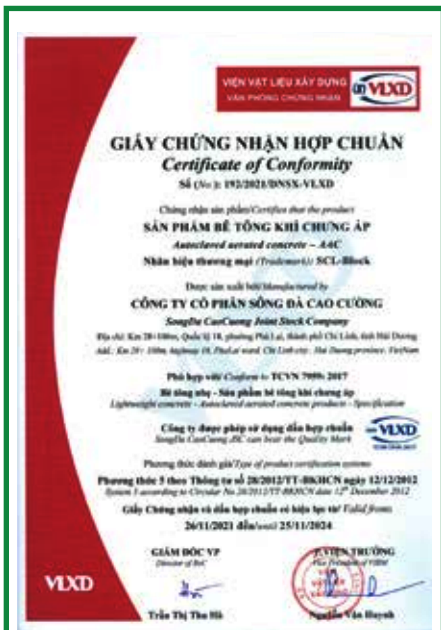


Công trình Thủy điện Nam Theun 1



GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP AAC SCL - BLOCK

Công suất: 200 000 m³/năm
TCVN 7959:2017





GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP SCL-BLOCK

Sản xuất theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7959:2017, phù hợp với tiêu chuẩn Đức: DIN4156 và tương đương tiêu chuẩn Trung Quốc GB11968-2020 cùng một số tiêu chuẩn gạch chưng áp của Nhật, Mỹ...

Sản phẩm gạch bê tông khí chưng áp SCL-BLOCK đa dạng về kích thước và đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng.



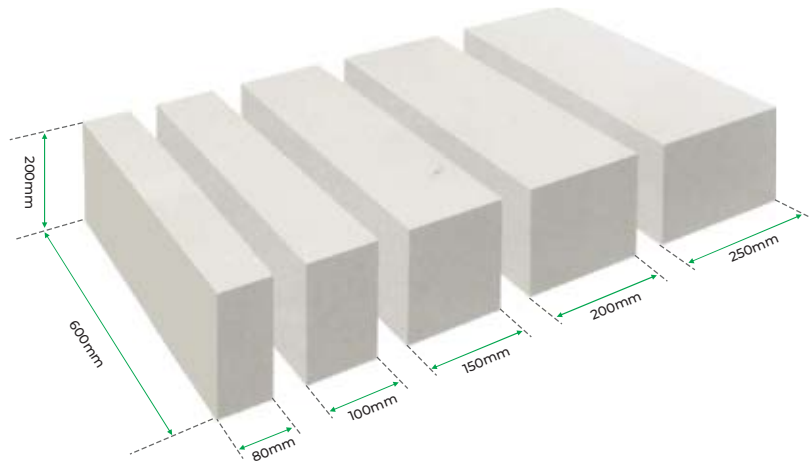
Kích thước sản phẩm:

600x100x200 mm

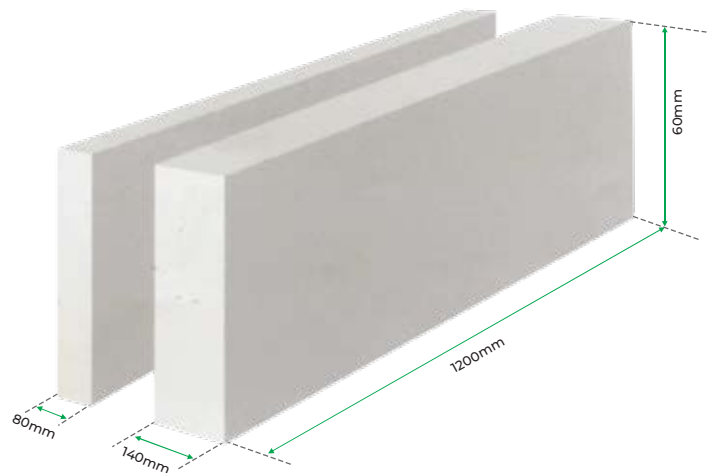
600x150x200 mm

600x200x200 mm

600x250x200 mm



Chú thích: Có thể sản xuất sản phẩm Bê tông khí chưng áp có hình dạng kích thước khác nhau theo yêu cầu của người mua.





► THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƯỜNG ĐỘ NÉN VÀ KHỐI LƯỢNG THỂ TÍCH KHÔ

| Cấp độ nén | Giá trị trung bình cường độ chịu nén (Mpa) | Khối lượng thể tích khô (kg/m ³) | |
|------------|--|--|-----------------|
| | | Danh nghĩa | Trung bình |
| B2 | 2,5 | D400 | Từ 351 đến 450 |
| | | D500 | Từ 451 đến 550 |
| B3 | 3,5 | D500 | Từ 451 đến 550 |
| | | D600 | Từ 551 đến 650 |
| B4 | 5,0 | D600 | Từ 551 đến 650 |
| | | D700 | Từ 651 đến 750 |
| | | D800 | Từ 751 đến 850 |
| B6 | 7,5 | D700 | Từ 651 đến 750 |
| | | D800 | Từ 751 đến 850 |
| | | D900 | Từ 851 đến 950 |
| B8 | 10,0 | D800 | Từ 751 đến 850 |
| | | D900 | Từ 851 đến 950 |
| | | D1000 | Từ 951 đến 1050 |

QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ VẬN CHUYỂN

01

Phòng điều khiển trung tâm



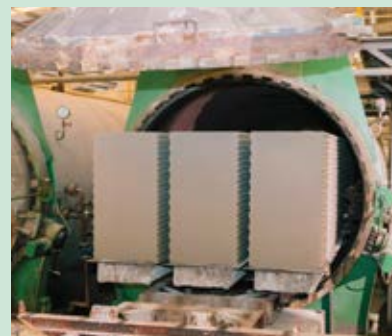
02

Cắt tạo hình viên gạch



03

Nồi hấp chưng áp



04

Khu vực tách thành phẩm



05

Khu vực phân loại sản phẩm



06

Khu vực đóng gói



07

Kho thành phẩm



08

Khu vực xuất hàng

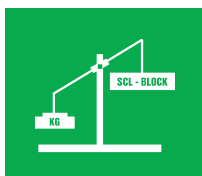


09

Vận chuyển hàng đến công trình



TÍNH NĂNG VƯỢT TRỘI



Trọng lượng nhẹ

Gạch bê tông khí chưng áp SCL-BLOCK nhẹ hơn 1/2 đến 1/3 so với gạch nung và bằng 1/4 gạch bê tông thường giúp tiết kiệm vật liệu làm khung, móng cọc cũng như vận chuyển thi công dễ dàng.



Cách âm tốt

Gạch bê tông khí chưng áp SCL-BLOCK tản âm tự nhiên nhờ vào cấu trúc khí bọt và khả năng hấp thụ âm thanh vượt trội, giảm đến mức tối thiểu khi xuyên được qua tường.



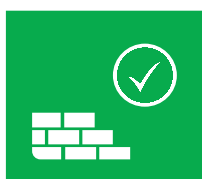
Cách nhiệt và tiết kiệm năng lượng

Gạch bê tông khí chưng áp SCL-BLOCK có hệ số dẫn nhiệt rất thấp $0,11 \div 0,22$ W/m.K dẫn đến hiệu ứng đông ấm, hạ mát. Tiết kiệm 40% mức điện điều hòa, chịu được 1200°C của đám cháy, đảm bảo an toàn tối thiểu 4 tiếng trong đám cháy



Độ bền vững cao

Gạch bê tông khí chưng áp SCL-BLOCK là vật liệu xây dựng có tính đồng nhất, bền vững theo thời gian, có cường độ chịu lực cao nhất trong các loại vật liệu có dạng xốp và ổn định hơn các dạng gạch bê tông thông thường



Độ chính xác cao

Gạch bê tông khí chưng áp SCL - BLOCK sản xuất theo kích thước quy chuẩn giúp việc xây dựng có độ chính xác cao, giảm lượng vữa thất thoát trát mặt phẳng. Góp phần giảm chi phí vữa và thời gian hoàn thành so với gạch nung thường.



Chống các loại côn trùng

Gạch bê tông khí chưng áp SCL-BLOCK là loại vật liệu không bị tấn công bởi mối, mọt, kiến hoặc các sinh vật khác trong điều kiện khí hậu nhiệt đới.



Thân thiện với môi trường

Gạch bê tông khí chưng áp SCL-BLOCK thân thiện với môi trường, giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường và khí thải hiệu ứng nhà kính, được khuyến khích sử dụng bởi Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam.

▶ SO SÁNH GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP SCL-BLOCK VỚI GẠCH ĐẤT SÉT NUNG

| Thông số | Gạch đất sét nung | Gạch SCL - BLOCK | Ưu điểm vượt trội |
|--|---|---|--|
| Nguyên liệu và công nghệ sản xuất | Sử dụng đất sét tạo hình dẻo và nung trong lò | Sử dụng xi măng, tro bay, vôi, thạch cao, bột nhôm | Tốt cho môi trường, tiết kiệm nguồn tài nguyên đất |
| Khối lượng thể tích (kg/m ³) | 1800 (đặc) 1300 (gạch lỗ) | 400 : 800 | Nhẹ hơn, giảm kết cấu móng và cột cùng chi phí xây thô |
| 1m ³ gạch | 700 viên | 41,6 viên 600x200x200 55,5 viên 600x150x200 83,3 viên 600x100x200 | Đa dạng về kích thước |
| Độ cách âm (Db) | 28 | 40 : 47 | Cách âm tốt, giảm ồn do các thiết bị ngoài gây nên |
| Hệ số dẫn nhiệt (W/m0/k) | 0,82 | 0,11 ÷ 0,22 | Cách nhiệt tốt, giảm 40% chi phí điện cho điều hòa |
| Chống cháy | 1+2 giờ | trên 4 giờ | Kéo dài thời gian chống cháy khi có hỏa hoạn |
| Độ co ngót, co khô (mm/m) | Không có tiêu chuẩn | < 0,2 mm/m | Giúp tính toán chính xác hơn trong thiết kế |
| Lắp đặt đường điện nước | Khó khăn | Dễ dàng | Thao tác nhanh, giảm thời gian thi công |
| Độ vỡ, nứt, gãy | < 5 : 10% | < 2% | Giảm hư hỏng và tránh hao hụt vật liệu |
| Khả năng chống chấn động | Không cao, dễ tự phá hủy khi có chấn động | Khối xây bê tông khí có khả năng hấp thụ xung lực tốt | Chịu chấn động, động đất tốt hơn |
| Tốc độ xây, cột đất sét nung | 8 ÷ 12 | 25 | Đẩy nhanh tiến độ thi công, có lợi cho xây dựng |
| Mạch vữa xây | 10 ÷ 20 mm | 3 ÷ 5 mm | Liên kết mỏng, tiết kiệm vật tư và nhân công |
| Chiều dày lớp trát | 15 ÷ 20mm | 8 ÷ 12 mm | Gạch phẳng và đồng đều nên không cần trát dày |
| Ứng dụng trong lương lai | Càng giảm | Càng tăng | Khuyến khích sử dụng thay thế gạch đất sét nung |
| Chủ trương nhà nước | Hạn chế | Ưu tiên | Theo chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16/04/2012 |

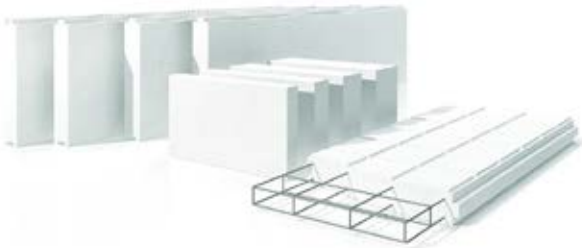


TẤM PANEL BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP

Sản phẩm tấm panel Bê tông khí chứng áp của SCL được sản xuất dựa trên công nghệ bê tông khí chứng áp (AAC). Sản phẩm có các ưu điểm nổi trội như: khối lượng thể tích nhẹ, cách âm, cách nhiệt, kích thước chính xác, thân thiện với môi trường.

Đặc biệt, trong tấm Panel SCL - ALC có lõi thép gia cường, giúp tăng khả năng chịu uốn và khả năng tải gió của tường.

Với các kích thước lớn gồm: chiều rộng cố định 0,6m; chiều dài tối đa 4,8m; độ dày linh hoạt từ 75mm đến 200mm tùy theo kiến trúc và công năng của từng công trình. Các tấm có thiết kế rãnh âm dương giúp rút ngắn thời gian và chi phí thi công.



KÍCH THƯỚC TẤM PANEL THÔNG DỤNG

| | 100 | 120 | 150 | 200 |
|---------------------|----------------------------------|-----|-----|-----|
| Chiều dày tấm tường | 100 | 120 | 150 | 200 |
| Chiều dài tấm tường | 1200 / 2000 / 2400 / 3200 / 4800 | | | |

Ghi chú: Kích thước trên có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng

▶ THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thông số |
|-------------------------|-------------------|----------|
| Khối lượng thể tích khô | Kg/m ³ | ≤ 700 |
| Cường độ nén trung bình | MPa | ≤ 3,5 |
| Sức treo tại điểm | Kg | ≥ 1000 |
| Độ co khô | mm/m | ≤ 0,2 |
| Khả năng chịu uốn | % | > 1,5 |

▶ HÌNH ẢNH BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP THỰC TẾ TẠI CÔNG TRÌNH



▶ CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU



Công trình
Times City (Hà Nội)



Trường Đại Học
Nguyễn Trãi



Công Trình
Royal City (Hà Nội)



Nhà máy xử lý rác thải
Phú Sơn, Thừa Thiên Huế



Trung tâm hành chính,
chính trị Q.Ngô Quyền,
TP.Hải Phòng



Dự Án Sản Xuất Cell,
Công Ty TNHH Ja Solar,
Bắc Giang



Nhà máy Jinko Solar
Quảng Ninh



Dự án đầu tư xây dựng và
kinh doanh hạ tầng khu biệt
thự Hùng Sơn, Thanh Hóa



Nhà máy sản xuất pin
VinES Vũng Áng



VỮA KHÔ TRỘN SẴN SCL - MORTAR

Công suất: 1.000.000 tấn/năm

TCVN 4314:2022 - TCVN 9028:2011



VỮA KHÔ TRỘN SẴN TIÊU CHUẨN TCVN 9028:2011

ỨNG DỤNG: DÙNG CHO GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP AAC, TẤM PANEL BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP...

| Chỉ tiêu | Vữa xây lớp mỏng | Vữa trát |
|---|--|--|
| Thành phần | Xi măng, cát gạch, phụ gia đa chức năng... | |
| Dạng tồn tại | Dạng bột khô màu xám | |
| Khối lượng thể tích khô, xấp xỉ | 1500 ÷ 1700 kg/m ³ | |
| Kích thước hạt cốt liệu (max) | ≤ 1,25 mm | |
| Độ lưu động (mm) | 190 : 220 | 180 : 210 |
| Khả năng giữ độ lưu động (%) bắt đầu đông kết | ≥ 90 | |
| Thời gian (min) | ≥ 180 | |
| Thời gian điều chỉnh (min) | ≥ 5 | – |
| Hàm lượng ion clo trong vữa (%) | ≤ 0,1 | |
| Cường độ nén Mpa | ≥ 2,5 ; 5,0 ; 7,5 ; 10 ; 12,5 | |
| Cường độ bám dính Mpa | ≥ 0,4 | |
| Tỷ lệ nước trộn | 19 ÷ 24% so với khối lượng vữa | |
| Bảo quản | Tối thiểu 6 tháng kể từ ngày sản xuất trong điều kiện bao không bị mở, lưu giữ nơi khô ráo | |
| Đóng gói | 50 kg/bao | |
| Ứng dụng | Dùng xây gạch nhẹ AAC, tấm ALC, gạch bê tông bọt... | Dùng trát tường gạch nhẹ, cột bê tông, trần nhà... |
| Định mức sử dụng | 45 ÷ 50 kg/m ³ | 22 ÷ 24 kg/m ² /cm |

VỮA LIÊN KẾT TẤM SCL - EKOFLEX

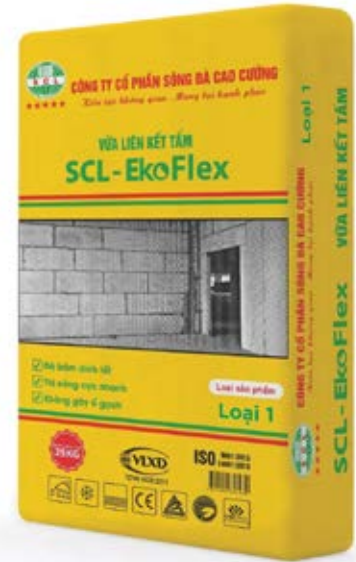
Vữa liên kết tấm SCL -EkoFlex là sản phẩm vữa khô trộn sẵn được sản xuất công nghiệp trên dây chuyền hiện đại của SCL.

Thành phần:

Xi măng, cát sạch, phụ gia biến tính Polyme và các phụ gia đặc biệt.

Ứng dụng:

Liên kết cho tấm tường bê tông khí chưng áp ALC, tấm bê tông bọt, tấm Cemboard, tấm Nuce Wall,... và các sản phẩm tấm khác trên thị trường.



► THÔNG SỐ SẢN PHẨM

| Chỉ tiêu kỹ thuật | Loại 1 | Loại 2 |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| Khối lượng thể tích khô | 1500 : 1600 kg/m ³ | |
| Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất | ≤ 0,63 mm | |
| Độ lưu động | 190 : 220 mm | |
| Khả năng giữ độ lưu động | ≥ 95 % | |
| Thời gian điều chỉnh | ≥ 10 phút | |
| Cường độ nén trung bình | ≥ 7,5 Mpa | |
| Cường độ bám dính | ≥ 0,8 N/mm ² | ≥ 1,5 N/mm ² |
| Tỉ lệ nước sử dụng theo khối lượng | 25 : 27% | 27 : 29% |



VỮA KHÔ TRỘN SẴN TIÊU CHUẨN TCVN 4314:2022

ỨNG DỤNG: DÙNG CHO XÂY TRÁT GẠCH ĐẤT SÉT NUNG, XÂY TRÁT GẠCH XI MĂNG CỐT LIỆU, SAN NỀN, CHÈN CHÂN TẤM...

| Chỉ tiêu | Loại vữa | | |
|---|---|-------------------------------|----------------|
| | Vữa xây | Hoàn thiện thô | Hoàn thiện mịn |
| Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất (max) ≤ | 5 | 2,5 | 1,25 |
| Độ lưu động (phương pháp bàn dằn) mm | 165 : 195 | 175 : 205 | 175 : 205 |
| Khả năng giữ độ lưu động (%) ≥ | 65 | 65 | 65 |
| Thời gian đông kết (phút) ≥ | 150 | 150 | 150 |
| Hàm lượng ion clo trong vữa (%) ≤ | 0,1 | 0,1 | 0,1 |
| Cường độ chịu nén (Mpa) ≥ | 5,0 ; 7,5 ; 10 ; 12,5 ; 15 ; 20 ; 30 | | |
| Thành phần | Xi măng, cát sạch, phụ gia | | |
| Dạng tồn tại | Bột khô màu xám | | |
| Tỷ lệ nước trộn (%) khối lượng | 16 ÷ 22 | | |
| Khối lượng thể tích khô, xốp (kg/m ³) | 1500 ± 50 | | |
| Đóng gói | 50 kg/bao giấy và 1500kg/bao jumbo | | |
| Bảo quản | Tối thiểu 6 tháng kể từ ngày sản xuất trong điều kiện bao không bị mở, lưu trữ nơi khô ráo. | | |
| Định mức sử dụng | 350 ÷ 400 kg/m ³ | 20 ÷ 22 kg/m ² /cm | |





QUY TRÌNH SẢN XUẤT VỮA KHÔ TRỘN SẴN



Cát nguyên liệu

01



Hệ thống sấy tự động

02



Phòng điều khiển trung tâm

03



Hệ thống trộn đóng bao

04



Thành phẩm
vữa SCL - MORTAR

05



Vận chuyển vữa
đến công trình

06



HÌNH ẢNH VỮA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRÌNH





KEO DÁN GẠCH ĐÁ SCL

Công suất: 200 000 tấn/năm

TCVN : 7899-1:2008; ISO 13007-1:2004





THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

| Thông số | Ekotex C1 | Ekotex C1T | Ekotex C2TE |
|--|-----------|------------|-------------|
| Cường độ bám dính khi kéo (N/mm ²) | ≥ 0,8 | ≥ 1,0 | ≥ 1,5 |
| Cường độ bám dính khi kéo sau khi ngâm trong nước (N/mm ²) | ≥ 0,5 | ≥ 0,7 | ≥ 1,0 |
| Cường độ bám dính khi kéo sau khi gia nhiệt (N/mm ²) | ≥ 0,5 | ≥ 0,7 | ≥ 1,0 |
| Độ trượt | | ≤ 0,4 | ≤ 0,3 |
| Thời gian mở (phút) | ≥ 20 | ≥ 25 | ≥ 30 |
| Thời gian cho phép chít mạch trên tường (giờ) | 3 ÷ 6 | 4 ÷ 7 | 6 ÷ 8 |
| Thời gian cho phép chít mạch trên sàn (giờ) | 24 | 24 | 24 |
| Tỉ lệ pha trộn nước (%) | 20 ÷ 24 | 21 ÷ 25 | 25 ÷ 29 |
| Khả năng điều chỉnh (phút) | 30 | 45 | 60 |

Dạng tồn tại: Bột khô màu xám hoặc trắng

Khối lượng thể tích khô, xốp: 1500 ÷ 1600 kg/m³

Đóng gói: Bao chống ẩm loại 20kg hoặc 25kg

Bảo quản: Tối thiểu 9 tháng kể từ NSX khi bao bì còn nguyên, lưu trữ nơi khô ráo.

► SO SÁNH KEO DÁN GẠCH ĐÁ SCL VÀ VỮA XI MĂNG TRUYỀN THỐNG

| Đặc tính | Keo dán gạch | Vữa xi măng truyền thống |
|------------------------------------|---|--|
| Thành phần | Cát, xi măng, polime, phụ gia | Xi măng, cát |
| Loại gạch ốp lát sử dụng | Phù hợp với tất cả các loại gạch hút nước và ít hút nước như gạch bông, granite, hoa cương, porcelain, mosaic, ceramic | Phù hợp với gạch hút nước như gạch bông, gạch ceramic |
| Kích thước gạch ốp lát sử dụng | Tất cả các kích thước gạch | Kích thước gạch nhỏ dưới 600x600mm |
| Phương thức thi công | Có thể dán gạch trực tiếp lên các bề mặt tấm xi măng, thạch cao, nhôm, sắt, bề mặt gạch cũ | Chỉ phù hợp cho thi công ốp lát trên bề mặt xi măng vữa |
| Thời gian thi công | Nhanh gấp 1,5 lần so với dùng xi măng | Lâu hơn keo ốp lát |
| Điều chỉnh gạch sau khi thi công | Điều chỉnh gạch dễ dàng, linh hoạt trong 20-30 phút | Có thể điều chỉnh gạch trong vòng 5 phút |
| Thời gian sử dụng sau khi pha trộn | 240 phút | 45 phút |
| Công đoạn chuẩn bị | <ul style="list-style-type: none"> Đơn giản không cần ngâm gạch Chỉ cần pha trộn keo dán gạch với nước theo đúng tỉ lệ Ít chiếm diện tích, gọn gàng, sạch sẽ và tiết kiệm thời gian pha trộn | <ul style="list-style-type: none"> Phức tạp, cần ngâm gạch Cần pha trộn tỉ lệ cát, xi măng, và nước Chiếm diện tích, tốn thời gian pha trộn |
| Thời gian đưa vào sử dụng | Sau 24 giờ | Sau 3 ngày |
| Chất lượng dán | Ổn định, kiểm soát được | Dễ phồng rộp, nứt, vỡ |
| Độ linh hoạt | Cho tất cả các góc ngách | Còn hạn chế ở các ngách nhỏ |
| Yếu tố môi trường | Sạch sẽ, không gây bụi | Tạo nhiều bụi bẩn ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe |
| Giá thành | Đắt hơn vữa xi măng nhưng tiết kiệm chi phí bảo trì và bảo dưỡng | Rẻ hơn nhưng tốn kém việc thường xuyên bảo trì và bảo dưỡng khi nền gạch bong rộp |



ỨNG DỤNG TỰ ĐỘNG HÓA

từ cánh tay robot trên các dây chuyền sản xuất đến việc tham gia vào quy trình gia công vận hành.



KEO CHÍT MẠCH SCL

Công suất: 10.000 tấn/ năm

Tiêu chuẩn: TCVN 7899-3:2008; ISO 13007-1:2004

▶ THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| Chỉ tiêu | Mức |
|---|-------------------------|
| Cường độ chịu uốn trong điều kiện tiêu chuẩn | > 2,5 N/mm ² |
| Cường độ chịu uốn sau các chu kỳ đóng và tan băng | > 2,5 N/mm ² |
| Cường độ chịu nén trong các điều kiện tiêu chuẩn | > 15 N/mm ² |
| Cường độ chịu nén sau các chu kỳ đóng và tan băng | > 15 N/mm ² |
| Độ co ngót | < 3mm/m |
| Độ hút nước sau 30 phút | < 5g |
| Độ hút nước sau 240 phút | < 10g |
| Độ chịu mài mòn | ≤ 2000 mm ³ |
| Khả năng chống ẩm | Rất tốt |
| Khả năng chống lão hóa | Rất tốt |
| Khả năng chống dung môi, dầu và kiềm | Rất tốt |
| Khả năng chống axit | Tốt (pH>3) |

▶ LƯU Ý SỬ DỤNG

- ▶ Không nên pha keo chít mạch SCL với cát, xi măng hay bất kì vật liệu gì sẽ làm ảnh hưởng tới chất lượng của keo.
- ▶ Không đổ keo ra đất và đổ nước vào trộn lên như cách trộn vữa thông thường.
- ▶ Không dùng nước bẩn hoặc nước ao hồ để pha trộn hỗn hợp keo.
- ▶ Hỗn hợp sau khi dùng trộn nên dùng trong khoảng thời gian không quá 60 phút.

▶ PHẠM VI SỬ DỤNG

- ▶ Sử dụng ngoài trời và trong nhà.

▶ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

▶ Lượng dùng keo chít mạch SCL thực tế cho 1m² gạch tùy thuộc bề dày, kích thước (rộng và sâu) của mạch và loại gạch được sử dụng, được xác định bởi công thức:

$$(A+B) : (AxB) \times C \times D \times 1,4 \text{ (kg/m}^2\text{)}$$

Chi chú:

A = Chiều dài gạch (mm)

B = Chiều rộng gạch (mm)

C = Chiều dày gạch (mm)

D = Bề rộng mạch chèn (mm)



► ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

| | |
|--|------------------------------|
| Dạng tồn tại | Bột mịn |
| Màu sắc lựa chọn | Đa dạng |
| Khối lượng thể tích xốp, khô | 1,2 : 1,25 g/cm ³ |
| Tỉ lệ nước trộn (khối lượng keo khô) | 30 : 40 |
| Thời gian đông rắn sau khi trộn | 2 giờ |
| Nhiệt độ môi trường làm việc cho phép | 5°C - 45°C |
| Thời gian thi công trên tường với keo dán gạch | 4 : 8 giờ |
| Thời gian thi công trên tường với vữa thường | 2 : 3 ngày |
| Thời gian thi công trên sàn với keo dán gạch | 24 giờ |
| Thời gian thi công trên sàn với vữa thường | 7 ngày |
| Thời gian đợi hoàn thiện | 20 : 45 phút |
| Thời gian cho phép bước nhẹ lên | 24 giờ |
| Thời gian cho phép sử dụng | 7 ngày |



▶ HÌNH ẢNH KEO THỰC TẾ TẠI CÔNG TRÌNH



▶ CÁC DỰ ÁN KEO, VỮA XÂY DỰNG



Dự Án Vinhomes Dream City,
Hưng Yên



Vinhomes Đại An,
Hưng Yên



Vinhomes Vũ Yên,
Hải Phòng



Dự án Vinpearl Island
Condotel Hòn Tre



Công trình VSIP
Hải Phòng



Tòa Tháp Căn Hộ Cao Cấp
Icon4 Quảng Ninh



Xây Dựng Nhà Xưởng
Tại KCN Việt Hàn,
Việt Yên, Bắc Giang



Nhà Xưởng Cho Thuê TDS
Hưng Yên



Dự Án Năng Lượng
Mặt Trời Phú Thọ

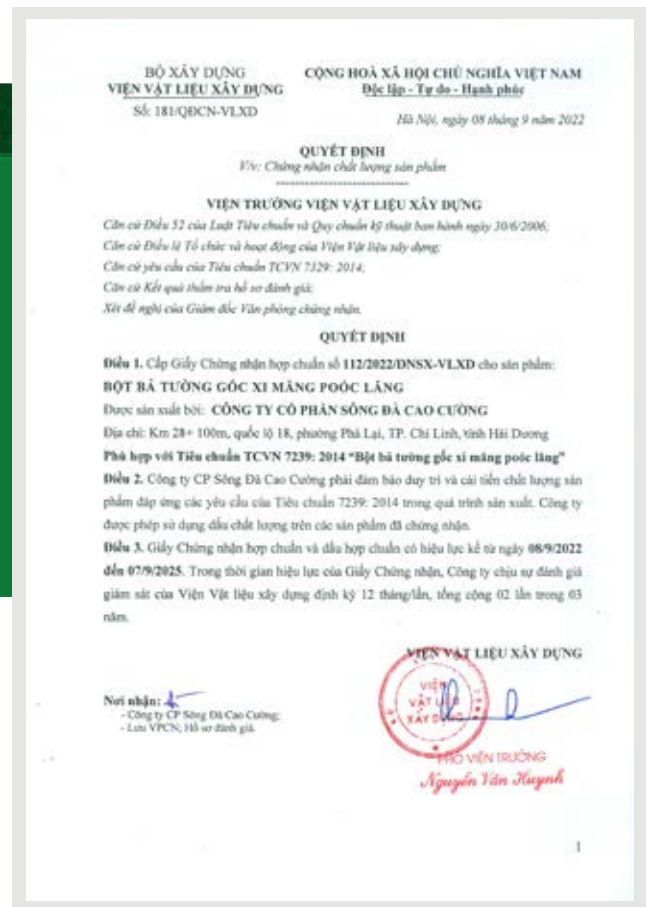
BỘT BẢ TƯỜNG SCL - SKIMCOAT



CÔNG SUẤT: 60.000 tấn/năm
TIÊU CHUẨN: TCVN 7239:2014

► ĐẶC ĐIỂM

- Khả năng hấp thụ nhiệt thấp, làm giảm nhiệt độ cho không gian bên trong
- Độ cứng và độ bền cao
- Độ bám dính rất tốt trên các bề mặt
- Chi phí giá thành hợp lý
- Không bị nứt ở điều kiện thi công bình thường
- Khả năng chống thấm nước cao



▶ PHƯƠNG PHÁP THI CÔNG

Dùng bay bả để bả trét lên bề mặt một lớp bột bả tường SCL - SKIMCOAT, độ dày khoảng 1mm tùy thuộc vào bề mặt.

Để lớp thứ nhất khô mặt trong khoảng 20-30 phút thì bả lớp thứ hai với độ dày tương tự. Bề mặt sẽ rất phẳng mịn sau khi hoàn thiện lớp thứ hai bằng cách chà láng.

▶ MỨC TIÊU HAO

0,8 ÷ 1 m²/kg cho 2 lớp tùy bề mặt vật liệu





NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ VÀ KẾT CẤU THÉP

Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép với đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề có trình độ và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép, lắp đặt thiết bị cho các dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng tiêu biểu như: Dây chuyền sản xuất thạch cao nhân tạo, Dây chuyền xử lý tro xỉ thải của các nhà máy nhiệt điện chạy than, Nhà máy gạch AAC, Nhà máy vữa khô, keo ốp lát...



TỔ HỢP NHÀ MÁY TẠI BÌNH THUẬN

1. DÂY CHUYỀN PHÂN TÁCH TRO, XỈ TẠI BÌNH THUẬN



ĐỊA ĐIỂM

Thôn Vĩnh Phúc,
Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy
Phong, Tỉnh Bình Thuận



CÔNG SUẤT

Giai đoạn 1:
1.000.000 m³/năm



DIỆN TÍCH XÂY DỰNG

4.3 ha



2. TRUNG TÂM HẬU CẦN KHO CHỨA VÀ XUẤT HÀNG TẠI CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN



ĐỊA ĐIỂM

Cảng Quốc Tế Vĩnh Tân,
Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh
Tân, Huyện Tuy Phong,
Tỉnh Bình Thuận



QUY MÔ

- 8 bồn chứa dung tích 1500 m³/bồn.
- 6 silo đứng dung tích 500 tấn/silo.
- Tổng khối lượng chứa GĐ 1: 15.000 tấn.
- Dự kiến mở rộng GĐ 2: 22.000 tấn.
- Cảng có thể đón tàu trọng tải tới 30.000MT – 50.000MT.



NĂNG LỰC CUNG CẤP

Cảng có thể đón tàu trọng tải
tới 30.000MT – 50.000MT.

Công suất làm hàng:

- 8.000 tấn – 10.000 tấn Tro bay
khô rời/ ngày.
- 3.000 tấn – 5.000 tấn Tro bay
bao Jumbo/ngày.



VINH DANH

NHÀ LÃNH ĐẠO VÌ MÔI TRƯỜNG XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
LEADERS FOR GREEN ENVIRONMENT AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT 2023

ÔNG KIỀU VĂN MẬT - CHỦ TỊCH HĐQT

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường



CHỨNG CHỈ - CHỨNG NHẬN





ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC





LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi xin gửi lời tri ân đến Quý khách hàng của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.

Trong những năm qua, sứ mệnh của chúng tôi là không ngừng cải tiến và mang đến những sản phẩm chất lượng cao nhất trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Sự tin tưởng và ủng hộ của Quý khách hàng là động lực mạnh mẽ, giúp chúng tôi không ngừng phát triển và vươn xa hơn.

Với dây chuyền sản xuất hiện đại và đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, chúng tôi cam kết tiếp tục cung cấp các sản phẩm chất lượng, đa dạng và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của Quý khách hàng.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã tin tưởng và lựa chọn sản phẩm của chúng tôi. Sự hài lòng của Quý khách hàng là niềm tự hào và động lực lớn nhất cho chúng tôi để phát triển bền vững trong tương lai.

Hân hạnh phục vụ và mong muốn được tiếp tục hợp tác cùng Quý khách hàng trong những dự án sắp tới.

Trân trọng!



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, Quốc lộ 18, Phường Phả Lại,
TP. Chí Linh, Tỉnh Hải Dương

Email: info@songdacaocuong.vn

Tel: 0220 3580 414

Website: www.songdacaocuong.vn

